

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22806001] - Thực tập kỹ thuật số
(CCQ2206AB)

CBGD: Nguyễn Minh Quang (280011)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Nguyễn Minh Quang

Nguyễn Minh Quang

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122060031	Lê Vinh	Bình	06/09/2004	CCQ2206A	Bình			6,7
2	2122060018	Võ An	Bình	08/07/2004	CCQ2206A				✓
3	2122060022	Ngô Hoàng	Chiến	23/05/2004	CCQ2206A	Chiến			9,5
4	2122060014	Cao Hoàng	Hải	29/07/2004	CCQ2206A	Hải			8,0
5	2122060030	Nguyễn Công	Hậu	14/01/2003	CCQ2206A	Hậu			7,7
6	2122140020	Trần Minh	Hiếu	29/09/2004	CCQ2206A	Hiếu			6,3
7	2122060072	Nguyễn Cảnh	Hoàng	16/10/2004	CCQ2206A	Hoàng			7,8
8	2122060007	Nguyễn Xuân	Hới	11/02/2000	CCQ2206A	Hới			6,7
9	2122060004	Trần Việt	Huyền	03/07/2004	CCQ2206A	Việt			8,7
10	2122060021	Nguyễn Minh	Khoa	28/05/2004	CCQ2206A				✓
11	2122060026	Trần Văn	Kiệt	25/11/2004	CCQ2206A	Kiệt			6,8
12	2122060010	Châu Ngọc	Lân	03/03/2004	CCQ2206A	Lân			5,0
13	2122060028	Nguyễn Ngọc	Lân	20/12/2004	CCQ2206A	Lân			7,5
14	2122060016	Văn Tấn	Lộc	21/08/2004	CCQ2206A	Lộc			8,2
15	2122060062	Phan Văn	Nguyên	16/06/2003	CCQ2206B	Nguyên			6,0
16	2122060009	Nguyễn Hoài	Nhân	25/02/2004	CCQ2206A				0,7
17	2122060036	Trần Văn	Phú	26/05/2004	CCQ2206B	Phú			5,8
18	2122060019	Thái Ngọc Vũ	Phước	24/08/2004	CCQ2206A				0,7
19	2122060001	Lê Vinh	Quảng	20/01/2000	CCQ2206A	Quảng			6,8
20	2122060002	Nguyễn Gia	Quyết	26/01/1999	CCQ2206A	Quyết			8,7
21	2122060025	Bùi Thành	Tài	02/06/2003	CCQ2206A	Tài			9,7
22	2121060025	Phạm Đỗ Quốc	Tân	31/10/2003	CCQ2106A				✓
23	2122060027	Lê Minh	Tánh	24/07/2004	CCQ2206A	Tánh			6,8
24	2122140019	Nguyễn Công	Tây	21/05/2003	CCQ2206A				✓
25	2122060008	Nguyễn Tấn	Thuận	09/10/2004	CCQ2206A				✓

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22806002] - Thực tập kỹ thuật số
(CCQ2206AB)

CBGD: Nguyễn Minh Quang (280011)

Số SV có mặt: 20

Số bài thi: 20

Số tờ giấy thi: 20

Nguyễn Minh Quang

Nguyễn Minh Quang

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2121230004	Nguyễn Thế Bảo	27/01/2003	CCQ2123A		<i>BẢO</i>			5,0
2	2118060055	Thiên Thanh Hương	30/12/1998	CCQ1806B		<i>Thiên Thanh</i>			1,7
3	2122060057	Nguyễn Nhất Huy	06/03/2004	CCQ2206B		<i>Huy</i>			5,0
4	2121230003	Hồ Trung Kiên	27/07/2000	CCQ2123A		<i>Kiên</i>			1,7
5	2121230010	Đỗ Minh Nam	21/09/2003	CCQ2123A		<i>Nam</i>			5,0
6	2121230005	Trần Long Nguyên	14/11/2003	CCQ2123A					✓
7	2120060061	Hỷ Phú Quyền	25/07/2002	CCQ2006B					✓
8	2122060042	Trần Văn Thanh	15/08/2004	CCQ2206B					✓
9	2122060060	Lương Thanh Tiên	04/08/2004	CCQ2206B		<i>Tiên</i>			8,5
10	2122060053	Trần Quốc Toàn	10/05/2004	CCQ2206B		<i>Toàn</i>			8,8
11	2122060082	Trần Thị Ngọc Trâm	28/02/2004	CCQ2206A		<i>Trâm</i>			9,5
12	2122060050	Trần Nguyễn Ngọc Trí	10/01/2004	CCQ2206B		<i>Trí</i>			5,5
13	2122170099	Nguyễn Hồng Trung	01/12/2004	CCQ2206B		<i>Trung</i>			9,5
14	2122060034	Trần Minh Trung	05/06/2002	CCQ2206A		<i>Trung</i>			7,5
15	2122060056	Nguyễn Đình Trường	10/08/2004	CCQ2206B		<i>Trường</i>			5,7
16	2122060077	Nguyễn Đỗ Lam Trường	02/11/2004	CCQ2206B		<i>Trường</i>			8,5
17	2122060035	Nguyễn Huy Tuấn	01/01/2004	CCQ2206A		<i>Tuấn</i>			7,5
18	2122060011	Nguyễn Thanh Tuấn	02/08/2004	CCQ2206A		<i>Tuấn</i>			9,2
19	2122060012	Võ Thị Thu Uyên	29/09/2004	CCQ2206A		<i>Uyên</i>			9,8
20	2122060055	Long Quốc Viên	17/06/2003	CCQ2206B		<i>Viên</i>			9,0
21	2121230011	Võ Quốc Việt	03/08/2002	CCQ2123A		<i>Việt</i>			5,3
22	2122060083	Lê Nhựt Vinh	20/10/2003	CCQ2206B					✓
23	2122060075	Nguyễn Trần Hoàn Vũ	17/11/2003	CCQ2206A		<i>Hoàn Vũ</i>			9,3
24	2122110026	Phạm Anh Vũ	19/09/2004	CCQ2206A		<i>Phạm Anh Vũ</i>			6,7